**MÔ HÌNH HÓA HỆ THỐNG QUẢN LÍ VÀ KINH DOANH CỬA HÀNG CÀ PHÊ**

**Các thực thể cần quản lí:**

1. **Thể loại sản phẩm (CLASSIFY):** gồm ID và tên thể loại sản phẩm.

Mỗi thể loại sản phẩm bao gồm nhiều sản phẩm nước uống.

1. **Sản phẩm nước uống của quán (PRODUCT):** gồm ID, tên, tên hiển thị ra giao diện, size + giá, trạng thái nóng/lạnh và trạng thái kinh doanh.

Mỗi sản phẩm nước uống chỉ thuộc về một thể loại sản phẩm.

Mỗi sản phẩm nước uống gồm nhiều loại topping.

Mỗi sản phẩm có thể xuất hiện trong nhiều chi tiết đơn hàng.

1. **Món thêm đi kèm (TOPPING):** gồm ID, tên, giá và tình trạng kinh doanh.

Mỗi topping có thể kết hợp với nhiều loại nước uống.

Mỗi topping có thể xuất hiện trong nhiều chi tiết hóa đơn.

1. **Chi tiết hóa đơn (DETAIL\_BILL):** gồm STT, số lượng, và tổng chi tiết đơn hàng.

Mỗi chi tiết đơn hàng chỉ thuộc về một Bill và gồm một loại sản phẩm và có thể có nhiều topping đi kèm.

1. **Hóa đơn (BILL):** gồm ID, ngày lập, tổng cộng, tiền nhận, tiền trả khách.

Mỗi đơn hàng sẽ bao gồm nhiều chi tiết đơn hàng.

Mỗi đơn hàng được set up bởi một nhân viên.

1. **Hóa đơn tại chỗ (SPOT\_BILL): BILL** sẽ có một tập con là **SPOT\_BILL (đơn hàng tại chỗ).** Nếu là đơn hàng tại chỗ thì có thêm số bàn.

Mỗi đơn hàng tại chỗ chỉ thuộc về một bàn.

1. **Bàn (TABLE):** gồm ID, số chỗ ngồi, tình trạng còn trống hay đã có người ngồi.

Mỗi bàn sẽ có nhiều đơn hàng tại chỗ.

1. **Nhân viên (STAFF):** gồm ID, tên, phone, address, birthday và chức vụ.

Mỗi nhân viên lập nhiều đơn hàng.

Mỗi nhân viên sẽ có một tài khoản đăng nhập vào hệ thống.

1. **Tài khoản đăng nhập hệ thống của nhân viên (ACCOUNT):** gồm username và password.

Mỗi tài khoản đăng nhập chỉ thuộc về một nhân viên trong cửa hàng.